Sao y; HĐND xã; 08/04/2026 15:18:55

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ THẠCH HÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/NQ-HĐND	*Thạch Hà, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương xã Thạch Hà năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THẠCH HÀ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ 2 về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương xã Thạch Hà năm 2025 với nội dung:

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN năm 2025:	**588.953**	**triệu đồng**
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	164.267	triệu đồng
- Thu chuyển nguồn năm trước:	2.900	triệu đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước:	897	triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	420.889	triệu đồng

2. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025:	**473.094**	**triệu đồng**
Trong đó:		
- Chi đầu tư phát triển:	10.778	triệu đồng
- Chi thường xuyên:	365.208	triệu đồng
- Chi tiết kiệm 10% chi thường xuyên	252	triệu đồng
- Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:	24.757	triệu đồng
- Chi từ nguồn năm 2024 sang năm 2025:	612	triệu đồng
- Chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2024:	904	triệu đồng
- Chi cải cách tiền lương:	608	triệu đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	210	triệu đồng
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu năm 2025:	27.841	triệu đồng
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	41.924	triệu đồng

3. Kết dư ngân sách địa phương: 6.643 triệu đồng

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã thực hiện công khai quyết toán ngân sách theo quy định; kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đảm bảo chi đúng nhiệm vụ được chi chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thạch Hà khóa II, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH HÀ

PHỤ LỤC 01: CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	**479.737**	**Tổng số chi**	**473.094**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.664	I. Chi đầu tư phát triển	10.778
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	53.387	II. Chi thường xuyên	420.392
III. Thu bổ sung	420.889	III. Chi chuyển nguồn ngân sách xã sang năm sau	41.924
Bổ sung cân đối ngân sách	354.773	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
Bổ sung có mục tiêu	66.116		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	897		
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách năm nay	2.900		
Kết dư ngân sách	**6.643**		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH HÀ

PHỤ LỤC 02: QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao		Dự toán HĐND xã giao		Thực hiện		Đạt tỷ lệ so với dự toán tỉnh giao	Đạt tỷ lệ so với dự toán HĐND xã giao
		NSNN	Xã hưởng	NSNN	Xã hưởng	NSNN	Xã hưởng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)=(8)/(6)*100
Tổng cộng		**481.469**	**442.228**	**502.803**	**447.988**	**588.953**	**479.737**	**108,48**	**107,09**
I	**Thu NSNN trên địa bàn**	**65.399**	**26.159**	**86.733**	**31.918**	**164.267**	**55.051**	**210,45**	**172,48**
1	Thu tại xã. Trong đó:	85	85	808	808	1.038	1.026	1.206,90	126,96
	Thu tại xã	*61*	*61*	*743*	*743*	*1.019*	*1.007*	1.650,27	135,45
	Thu hoa lợi	*24*	*24*	*65*	*65*	*19*	*19*	80,00	29,63
2	Thu phí, lệ phí. Trong đó:	383	163	544	324	403	220	134,77	67,72
2.1	Lệ phí môn bài	332	112	462	242	324	140	125,04	57,87
	Doanh nghiệp, hợp tác xã	*220*	-	*220*	-	*184*	-		
	Cá nhân, hộ kinh doanh	*112*	*112*	*242*	*242*	*140*	*140*	125,04	57,87
2.2	Phí, lệ phí (còn lại)	51	51	82	82	80	80	156,13	96,64
3	Tiền sử dụng đất	38.820	21.834	56.344	25.355	102.316	46.042	210,87	181,59
4	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.047	14	1.552	166	864	229	1.624,92	138,35
5	Lệ phí trước bạ	8.025	436	8.545	852	13.182	1.183	271,24	138,80
	Trước bạ nhà, đất	*545*	*436*	*1.065*	*852*	*1.478*	*1.183*	271,24	138,80
	Trước bạ các tài sản khác	*7.480*	-	*7.480*	-	*11.704*	-		
6	Thuế phi nông nghiệp	208	208	490	490	418	418	201,11	85,37
7	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	14.531	3.419	16.150	3.923	36.408	5.903	172,69	150,48
7.1	Thuế VAT - TNDN	14.490	3.398	16.090	3.893	36.146	5.825	171,42	149,62
	Doanh nghiệp, hợp tác xã	*13.490*	*2.698*	*14.740*	*2.948*	*34.114*	*4.433*	164,32	150,39
	Hộ cá thể	*1.000*	*700*	*1.350*	*945*	*2.033*	*1.392*	198,79	147,25
7.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	41	21	60	30	87	43	211,69	144,66
7.3	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	175	35		
8	Thuế thu nhập cá nhân	2.300	-	2.300	-	9.609	-		

9	Thu đóng góp CSHT	-	-	-	-	30	30		
II	**Thu chuyển nguồn năm trước**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**2.900**	**100,00**	**100,00**
III	**Thu kết dư ngân sách**	**904**	**904**	**904**	**904**	**897**	**897**	**99,26**	**99,26**
IV	**Thu bổ sung từ NS cấp trên**	**412.266**	**412.266**	**412.266**	**412.266**	**420.889**	**420.889**	**102,09**	**102,09**
1	Thu bổ sung cân đối	27.715	27.715	27.715	27.715	27.715	27.715	100,00	100,00
2	Thu bổ sung các nhiệm vụ chuyển từ cấp huyện xuống cấp xã	327.058	327.058	327.058	327.058	327.058	327.058	100,00	100,00
3	Thu bổ sung có mục tiêu cấp xã	57.493	57.493	57.493	57.493	66.116	66.116	115,00	115,00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH HÀ

PHỤ LỤC 03: QUYẾT TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện	Trong đó		Tỷ lệ (%)
				6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	
	Tổng cộng	**447.988**	**473.094**	**314.659**	**158.435**	**105,60**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**25.355**	**10.778**	**10.175**	**603**	**42,51**
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	25.355	10.778	10.175	603	42,51
II	**Chi thường xuyên**	**360.133**	**365.208**	**284.080**	**81.127**	101,41
1	**Chi an ninh - Quốc phòng**	**1.546**	**1.579**	**840**	**739**	**102,14**
-	An ninh	304	304	133	171	100
-	Quốc phòng	1.242	1.275	707	568	103
2	**Sự nghiệp GD-ĐT và trung tâm chính trị xã**	**96.899**	**96.675**	**47.622**	**49.053**	99,77
-	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo	94.792	94.568	46.496	48.072	99,76
-	Trung tâm giáo dục cộng đồng	56	56	42	14	100
-	Trung tâm chính trị xã	2.051	2.051	1.084	967	100
3	**Chi sự nghiệp y tế**	**1.002**	**996**	-	**996**	**99,36**
	Bảo hiểm y tế 6 tháng cuối năm 2025 đối tượng BTXH	1.002	996	-	996	99,36
4	**Sự nghiệp Văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao**	**534**	**564**	**240**	**324**	**105,57**
-	Phân bổ theo định mức	240	233	199	34	97
-	Đại hội TDTT	120	156	-	156	130
-	Kinh phí cụm dân cư	155	155	38	118	100
-	Kinh phí bảo vệ di tích	19	19	4	16	100
5	**Chi đảm bảo xã hội**	**8.391**	**5.986**	**636**	**5.350**	**71,34**
-	Chế độ trợ cấp hằng tháng cán bộ xã, thị trấn đã nghỉ việc	779	809	389	419	104
-	Hỗ trợ người được phân công giúp đỡ	7	2	2	-	33,33
-	Kinh phí chúc thọ mừng thọ	182	182	182	-	100
-	Chi khác đảm bảo xã hội	235	63	63	-	26,81
-	Mai táng phí	181	164		164	90,50
-	Trợ giúp xã hội các tối tượng 6 tháng cuối năm	6.925	4.700		4.700	67,87
-	Tiền điện hộ nghèo 6 tháng cuối năm	83	67	-	67	80,23
6	**Sự nghiệp kinh tế**	**837**	**811**	**650**	**161**	**97**
-	Chi sự nghiệp kinh tế	437	411	250	161	94
-	Kiến thiết thị chính	400	400	400	-	100
7	**Sự nghiệp môi trường**	**959**	**730**	**660**	**70**	76
-	Chi sự nghiệp môi trường	959	730	660	70	76
8	**Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể**	**30.358**	**29.845**	**14.413**	**15.432**	**98,31**
8.1	**Quản lý nhà nước**	**17.976**	**17.428**	**9.859**	**7.570**	96,95
-	Lương và các khoản phụ cấp	7.743	7.127	3.434	3.692	92,04
-	Chi hoạt động theo định mức	1.553	1.553	729	824	100
-	Khen thưởng theo NĐ 73	459	437	-	437	95,14
-	Phụ cấp tổ trưởng tổ dân phố	1.567	1.567	783	783	100
-	Phụ cấp tổ an ninh trật tự	1.306	1.306	653	653	100

-	Phụ cấp y tá thôn	70	147	35	112	210
-	Phụ cấp tổ chuyển đổi số cộng đồng	223	223	112	112	100
-	Phụ cấp thôn đội trưởng	435	435	218	218	100
-	Phụ cấp ĐBHĐ	691	690	345	345	100
-	Phụ cấp bán chuyên trách và hội đặc thù	1.632	1.652	1.632	20	101
-	Chi hoạt động của ĐBHĐ	389	389	194	194	100
-	Chi Khoa học - Công nghệ	40	40	-	40	99
-	Chi tuyên truyền phổ biến GDPL	30	28	-	28	94
-	Chi công tác tiếp dân, khiếu nại đơn thư tố cáo	15	13	-	13	87
-	Chi hội nghị điển hình tiên tiến	100	98	-	98	98
-	Chi khác	1.723	1.723	1.723	-	100
8.2	**Đảng**	**7.898**	**7.900**	**2.359**	**5.541**	**100**
-	Lương và các khoản phụ cấp	2.315	2.315	749	1.566	100
-	Chi hoạt động theo định mức	384	384	95	289	100
-	Chi đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030	1.200	1.200	-	1.200	100
-	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73	200	200	-	200	100
-	Phụ cấp Ban chấp hành Đảng ủy	185	185	93	93	100
-	Phụ cấp Bí thư chi bộ	1.601	1.601	800	800	100
-	Phụ cấp trưởng ban công tác mặt trận	800	800	400	400	100
-	Phụ cấp cấp ủy	331	331	166	166	100
-	Phụ cấp tôn giáo	110	110	30	79	100
-	Chi hoạt động tôn giáo	200	200	26	174	100
-	KP tặng thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng (bao gồm tiền khung, thiếp 25.000 đồng/HHĐ)	422	424	-	424	100
-	Chi khác	150	150		150	100
8.3	**MTTQ Đoàn thể**	**4.483**	**4.517**	**2.195**	**2.322**	**101**
-	Lương và các khoản phụ cấp	2.024	2.024	1.124	899	100
-	Chi hoạt động theo định mức	413	412	239	173	100
-	Khen thưởng theo NĐ 73	132	119		119	90
-	Phụ cấp chi hội trưởng phụ nữ	272	312	136	176	115
-	Phụ cấp chi hội trưởng nông dân	348	350	174	176	101
-	Phụ cấp Bí thư chi đoàn	348	350	174	176	101
-	Phụ cấp chi hội trưởng CCB	348	350	174	176	101
-	Phụ cấp chi hội trưởng cao tuổi	348	350	174	176	101
-	Chi hoạt động ban Thanh tra nhân dân, Giám sát cộng đồng	10	10	-	10	100
-	Chi Đại hội MTTQ	80	80	-	80	100
-	Chi Đại hội các tổ chức đoàn thể	160	160	-	160	100
9	**Chi khác ngân sách**	**702**	**113**	**113**	**-**	16,10
10	**Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm của các đơn vị dự toán cấp huyện đã kết thúc hoạt động**	**218.905**	**227.908**	**218.905**	**9.003**	104,11
III	**Chi tiết kiệm 10% theo Nghị quyết số 173/2025/NQ-CP**	**252**	**252**	**-**	**252**	99,88
IV	**Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên**	**29.131**	**24.757**	**18.890**	**5.867**	**84,99**
V	**Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025**	**2.900**	**612**	**610**	**2**	**21,10**
VI	**Kết dư ngân sách 2024**	**904**	**904**	**904**	-	100
VII	**Chi cải cách tiền lương theo quy định**	**1.471**	**608**		**608**	41,34
VIII	**Dự phòng**	**580**	**210**		**210**	36,21
IX	**Chi nguồn bổ sung có mục tiêu**	**27.262**	**27.841**	**-**	**27.841**	102,13
-	Đại hội Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp xã	150	150		150	100

-	KP hỗ trợ cho chủ chăn nuôi có gia súc phải tiêu huỷ do dịch bệnh	19	19		19	100
-	Kinh phí tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	150	150		150	100
-	KP chi trả chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, số 67/2025/NĐ-CP	21.434	21.434		21.434	100
-	KP tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9	3.109	3.076		3.076	99
-	KP thực hiện công tác phòng, chống cơn bão số 05 và mưa lũ	100	100		100	100
-	KP thực hiện các nhiệm vụ phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy	1.350	915		915	67,80
-	Mua sắm xe ô tô	950	882		882	92,79
-	KP thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với XD tỉnh đạt chuẩn NTM (NQ51)		97		97	
-	KP tặng quà cho các đối tượng nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ		850		850	
-	KP bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa		19		19	
-	Lương và các khoản phụ cấp, KP hoạt động Trung tâm dịch vụ tổng hợp		131		131	
-	KP hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường (NQ 97)		20		20	
XI	**Chuyển nguồn sang năm 2026**		**41.924**		**41.924**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH HÀ

PHỤ LỤC 04: QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU, CHUYỂN NGUỒN, KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã)

ĐTV: Triệu đồng

STT	Nội dung	Bổ sung ngân sách cấp trên	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Còn lại
I	**Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên**	**29.131**	**18.890**	**5.884**	**4.356**
1	Kinh phí tặng quà thắp hương dịp tết nguyên đán 2025	134	134		-
2	Kinh phí tặng quà đối tượng còn sống năm 2025	27	27		-
3	Khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024	1.500	1.500		-
4	Cấp kinh phí chi trả mai táng phí	304	304		-
5	Hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 cho các xã, thị trấn	1.440	829	523	88
6	Chương trình MTQG Nông thôn mới: Vốn ĐTPT NTM năm 2025	411	411		
7	Chương trình MTQG Nông thôn mới: Vốn sự nghiệp NTM năm 2025	276	276		-
8	Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường năm 2024	60	60		-
9	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2025	1.363	806	557	
10	Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường cấp xã quản lý năm 2025	76	76		-
11	Kinh phí hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát	1.570	1.570		-
12	Kinh phí hỗ trợ xã thực hiện nhiệm vụ	1.000	1.000		-
13	Kinh phí hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng	42	42		-
14	Về việc hỗ trợ tổ chức lễ đón nhận bằng xếp hạng di tích lịch sữ – văn hoá cấp Quốc gia	30	30		-
15	Hỗ trợ kinh phí lấy ý kiến cử tri về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025	345	345		-
16	Về việc cấp kinh phí hỗ trợ kinh phí công trình Xây dựng nhà hành chính, các công trình phụ trợ Trường Mầm non Thạch Hà	650	650		-
17	Về việc phê duyệt kết quả và cấp kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2025 theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh (Đợt 1)	101	101		-
18	Chi trả kinh phí quản lý, vận hành cống ngăn mặn giữ ngọt Voọc Sim 1 và Voọc Sim 2 xã Thạch Long.	25	25		-
19	Kinh phí kiến thiết thị chính	6.457	3.176	3.025	256
	Công an (Lắp đặt Camera)				
	Văn phòng UBND&HĐND				

20	Hỗ trợ UBND xã Thạch Sơn thực hiện các nội dung	500	500		-
21	Kinh phí hỗ trợ hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ sử dụng phần mềm	12	12		-
22	Kinh phí hỗ trợ xã từ nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2025	900	900		-
23	Nguồn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục	4.650	375	263	4.012
24	Hỗ trợ xã đạt tiêu chí đô thị văn minh năm 2024	1.000	1.000		-
25	Hỗ trợ xã về đích NTM nâng cao năm 2024	1.000	1.000		-
26	Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025	478	-	478	-
27	Kinh phí hỗ trợ xã	2.000	2.000		-
28	Kinh phí hỗ trợ tiền quà ngày 27/7	157	157		-
29	Kinh phí hỗ trợ xã	1.300	1.300		-
30	Hỗ trợ các xã theo cơ chế phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng năm 2024	276	276		-
31	Kinh phí đảm bảo an ninh trật tự thi tuyển sinh vào lớp 10	8	8		-
32	Kinh phí cho các địa phương tổ chức vận hành xã mới	400	-	400	-
33	Kinh phí môi trường 6 tháng cuối năm 2025	638	-	638	-
II	**Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025**	**2.900**	**612**	**2**	**2.286**
1	**Xã Thạch Long**	**207**	**201**	**2**	4
	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên. Gồm:	118	113	2	4
	Quyết định số 8732/QĐ-UBND ngày 11/12/2024: Đa dạng hóa sinh kế	*113*	*113*		-
	QĐ số 8937/QĐ-UBND ngày 19/12/2024: Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm cho thôn đội trưởng	*6*	*0*	*2*	4
	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách NN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau	88	88		-
2	**Xã Thạch Sơn**	**413**	**89**		**325**
	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công: Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Quy hoạch đất ở dân cư thôn Vạn Đò	325	0		325
	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên: Kinh phí về việc cấp ứng thực hiện chính sách theo NQ 51/2021/NQ-HĐND tỉnh đợt 7(Theo QĐ số 9656/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Thạch Hà)	36	36		-
	Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024	52	52		-

	Kinh phí được giao tự chủ của đơn vị theo khoản 3 Điều 64 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau	1	1		-
3	**Thị trấn Thạch Hà**	**2.280**	**322**		**1.958**
	- Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi năm nay được phép chuyển sang năm sau theo quy định	1.941	0		1.941
	+ 10% tiền quy hoạch sử dụng đất	*705*			705
	+ 70% tăng thu ngân sách thực hiện cải các tiền lương	*1.235*			1.235
	- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên gồm:	309	291		17
	+ Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm khám chữa bệnh cho chức danh thôn đội trưởng năm 2024 (Theo QĐ số 8937/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện)	*19*	*2*		17
	+ Hỗ trợ đơn vị xây thực hiện các nhiệm vụ xây dựng đô thị văn minh (Theo QĐ số 9112/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện)	*250*	*250*		-
	+ Hỗ trợ đơn vị củng cố các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh (Theo QĐ số 9252/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện)	*40*	*40*		-
	- Kinh phí được giao tự chủ của đơn vị theo khoản 3 Điều 64 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau	26	26		-
	- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công : 'Tạm ứng kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Quy hoạch đất ở dân cư tổ dân phố 8, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	5	5		-
III	**Kết dư ngân sách 2024**	**904**	**904**		-
1	**Xã Thạch Long**	**50**	**50**		-
	Nộp trả 5% tiết kiệm chi	50	50		-
2	**Thị trấn Thạch Hà**	**854**	**854**		-
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa năm 2024	3	3		-
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ môi trường	0,01	0		-
	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông thị trấn Thạch Hà	851	851		-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH HÀ

PHỤ LỤC 05: QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của HĐND xã)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn bố trí	Trong đó:		Thực hiện	Trong đó:	
				Ngân sách xã	Nguồn khác		Ngân sách xã	Nguồn khác
	TỔNG CỘNG	**72.010**	**27.680**	**18.380**	**9.300**	**866**	**603**	**263**
I	**Lĩnh vực giáo dục**	**24.650**	**18.050**	**8.750**	**9.300**	**337**	**74**	**263**
1	Sửa chữa mái nhà học 2 tầng 9 phòng trường Tiểu học Thạch Sơn khắc phục bão số 5	550	550	550		31		31
2	Sửa chữa mái nhà học 2 tầng 6 phòng và nhà để xe trường Tiểu học 1 thị trấn khắc phục bão số 5	500	500	500		27		27
3	Sửa chữa các hạng mục nhà xe, hàng rào, mương thoát nước trường THCS Phan Huy Chú khắc phục bão số 5	800	800	800		45		45
4	Sửa chữa, nâng cấp phòng học và sân chơi tại điểm trường số 2 Trường Mầm non 1 thị trấn Thạch Hà	1.000	1.000	1.000		58		58
5	Sửa chữa, nâng cấp cổng, hàng rào và mái che Trường Mầm non 2 thị trấn Thạch Hà	1.000	1.000	1.000		50		50
6	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thạch Long	1.000	500	500				
7	Sửa chữa, nâng cấp nhà hành chính và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thạch Sơn	500	500	500				
8	Xây dựng mương thoát nước tại cơ sở 1 Trường Tiểu học 1 thị trấn Thạch Hà	500	500	500				
9	Xây dựng mương thoát nước và công trình vệ sinh giáo viên Trường tiểu học 2 thị trấn Thạch Hà	700	700	700				
10	Xây dựng tường rào và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Thạch Sơn	1.000	1.000	1.000		53		53
11	Xây dựng tường rào và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Thạch Long	1.500	1.000	1.000				
12	Xây dựng Nhà thư viện và các công trình phụ trợ cho Trường THCS Phan Huy Chú	5.800	5.000		5.000			
13	Xây dựng sân bóng Trường THCS Long Sơn	1.200	700	700		74	74	
14	Cải tạo, sửa chữa nhà học, nhà bộ môn, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Phan Huy Chú	4.600	2.300		2.300			
15	Cải tạo, sửa chữa nhà học 02 tầng 08 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Thạch Long	4.000	2.000		2.000			
II	**Lĩnh vực giao thông**	**21.900**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**
16	Đường giao thông nông thôn, nội đồng xã Thạch Hà (Theo Nghị quyết 44/HĐND tỉnh)	-	-					
17	Phục hồi đường bê tông GTNT xã Thạch Hà (Theo Nghị quyết 44/HĐND tỉnh)	-	-					

18	Xây dựng đường giao thông khu dân cư thôn Gia Ngãi 1	13.900	200	200				
19	Xây dựng đường giao thông khu dân cư Tổ dân phố 12	8.000	200	200				
III	**Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi**	**7.950**	**4.850**	**4.850**	**-**	**529**	**529**	**-**
20	Xây dựng tuyến kênh tưới kết hợp đường giao thông nội đồng thôn Đình Hàn, xã Thạch Hà	1.500	1.000	1.000		96	96	
21	Xây dựng tuyến kênh phục vụ tưới, tiêu tổ dân phố 13, xã Thạch Hà	2.600	1.500	1.500		140	140	
22	Sửa chữa hệ thống trạm bơm trên địa bàn xã Thạch Hà	850	850	850				
23	Xây dựng kênh tưới phục vụ sản xuất thôn Tri Khê, xã Thạch Hà	3.000	1.500	1.500		293	293	
IV	**Lĩnh vực khác**	**17.510**	**4.380**	**4.380**	**-**	**-**	**-**	**-**
24	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cơ quan Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ Việt Nam xã Thạch Hà và các hạng mục phụ trợ	950	600	600				
25	Hệ thống nước sạch cụm dân cư số 1 thôn Nam Giang, xã Thạch Hà	300	300	300				
26	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Lý Nhật Quang (đoạn từ Ngõ Anh Hải thôn 12 đến đường 1B và đoạn từ ngã tư Chợ Mương đến Cầu Là) hư hỏng do bão số 5 và số 10	1.840	500	500				
27	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường TX03 từ Tỉnh lộ 20 đi QL 15B (Đan trung - Nam Giang) hư hỏng do bão số 5 và số 10	1.720	840	840				
28	Xây dựng hệ tống điện chiếu sáng tuyến TT01 từ Thôn Đình Hàn - Tri Khê	1.850	500	500				
29	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Nguyễn Thái Cư, Nguyễn Huy Thuận hư hỏng do bão số 5 và số 10	850	450	450				
30	Sửa chữa, làm mới hệ thống trang trí cầu cày, cầu nga, tuyến QL 1A, các Tiểu công viên và trang trí phục vụ các ngày Lễ Tết	2.000	940	940				
31	Hàng rào và một số hạng mục phụ trợ trạm y tế Thị trấn	1.000	100	100				
32	XD mới nhà học 2 tầng 6 phòng Trường MN Thạch Sơn	7.000	150	150				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ